

Số: 730/2019/QĐST-HNGĐ

Quận 9, ngày 30 tháng 9 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân thụ lý số 814/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 9 năm 2019, giữa:

- *Nguyên đơn:* Ông Nguyễn Văn L (Nguyễn Văn H), sinh năm: 1972.

Địa chỉ: Nhà không số, Đường A, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị Kim K, sinh năm: 1975.

Địa chỉ: Nhà không số, Đường A, phường T, Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 51, Điều 55, Điều 57, Điều 58, Điều 81, Điều 82, Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2019.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 20 tháng 9 năm 2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm các điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Ông Nguyễn Văn L (Nguyễn Văn H) và bà Lê Thị Kim K.

Giấy khai đăng ký kết hôn ngày 03/3/1998 do Ủy ban nhân dân thị trấn Phú Phong, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định cấp cho ông Nguyễn Văn Lu (Nguyễn Văn H) và bà Lê Thị Kim K không còn giá trị pháp lý.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con chung: Có 02 người con chung tên Nguyễn Lê Anh T, sinh ngày 30/11/1999 (đã trưởng thành) và Nguyễn Lê M, sinh ngày 26/11/2001. Ông L trực tiếp nuôi người con Nguyễn Lê M, sinh ngày 26/11/2001, không yêu cầu bà K cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Ông L và bà K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông L và bà K trình bày không có

Án phí hôn nhân và gia đình: 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) x 50% = 150.000 đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng), mỗi bên nộp 75.000đ (Bảy mươi lăm ngàn đồng), ông L tự nguyện nộp thay cho bà K và được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí ông L đã nộp theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026525 ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông L và bà K đã nộp đủ án phí.

Hoàn lại cho ông L số tiền chênh lệch án phí còn lại là 150.000 đồng theo biên lai thu tiền số AA/2018/0026525 ngày 12/9/2019 tại Chi cục Thi hành án Dân sự Quận 9, thành phố Hồ Chí Minh.

Trường hợp quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND Quận 9;
- UBND nơi ĐKKH.
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Xuân Tùng